

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST

Ngày: 27-02-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Ông Trịnh Xuân Tùng

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 19/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐ-HPT ngày 05/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện P, tỉnh B. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Mai Thị Tuyết L, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Bùi Văn T trình bày:

Ngày 19/07/2022, bà L có vay của anh T số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) để trang trải gia đình, lãi suất thỏa thuận theo quy định của pháp luật, thời hạn vay là 02 tháng. Các bên có lập biên nhận nợ và cam kết trả nợ đều do các bên nhất trí và cùng ký tên ghi rõ họ tên xác nhận. Từ ngày vay cho

đến ngày trả nợ là ngày 19/09/2022, bà L không trả nợ gốc cũng như nợ lãi cho anh T. Anh T đã nhiều lần gặp trực tiếp và có liên lạc qua điện thoại để yêu cầu trả nợ nhưng bà L không thực hiện. Điều này đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của anh T nên nay anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xem xét, giải quyết buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ đã vay là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 19/7/2022 đến ngày 19/10/2023 đối với số tiền 140.000.000 đồng là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng: 157.500.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra, anh T yêu cầu tính lãi phát sinh với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) tính từ ngày 20/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn Mai Thị Tuyết L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xem xét buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ đã vay là 140.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi đối với số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 19/7/2022 đến ngày 19/10/2023 đối với số tiền 140.000.000 đồng là: $140.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 15 \text{ tháng} = 17.500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 157.500.000 đồng. Ông yêu cầu tính lãi phát sinh với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 140.000.000 đồng tính từ ngày 20/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông T cung cấp Hợp đồng vay tiền (bút lục 04-05) được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện Thanh Phú. Do đó, Hợp đồng vay tiền được xem là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án. Theo nội dung hợp đồng thể hiện bà L có vay của ông T số tiền 140.000.000 đồng; lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay: 02 tháng; bà L có ký tên vào hợp đồng. Bà L có nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà L có

nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ đã vay là 140.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19/10/2023 là: 17.500.000 đồng). Tổng cộng 157.500.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 140.000.000 đồng tính từ ngày 20/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Mai Thị Tuyết L, sinh năm 1988 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh B do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn Bùi Văn T có yêu cầu vắng mặt; Bị đơn Mai Thị Tuyết L đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xem xét, giải quyết buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ đã vay là 140.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 19/7/2022 đến ngày 19/10/2023 đối với số tiền 140.000.000 đồng là 17.500.000 đồng. Tổng cộng: 157.500.000 đồng. Ngoài ra, anh T yêu cầu tính lãi phát sinh với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 140.000.000 đồng tính từ ngày 20/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng vay tài sản giữa anh Bùi Văn T và chị Mai Thị Tuyết L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời hợp đồng có công chứng tại Văn phòng công chứng Thanh Phú nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Mai Thị Tuyết L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Đối với tài liệu là “Hợp đồng vay tiền” ngày 19/7/2022 do nguyên đơn cung cấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Thanh Phú được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó có cơ sở xác định hiện nay chị Mai Thị Tuyết L còn nợ

anh Bùi Văn T số tiền 140.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Mai Thị Tuyết L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó việc anh Bùi Văn T yêu cầu chị Mai Thị tuyết L có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Văn T số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày 19/7/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi chị Mai Thị Tuyết L có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Văn T được tính như sau: 140.000.000 đồng + 140.000.000 đồng x 19 tháng 08 ngày (01 năm 7 tháng 08 ngày) x 10%/năm = 162.477.777 đồng.

[6] Chị Mai Thị Tuyết L có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 5% x 162.477.777 đồng = 8.123.888 đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T. Buộc chị Mai Thị Tuyết L có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Văn T số tiền 162.477.777 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mai Thị Tuyết L có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 5% x 162.477.777 đồng = 8.123.888 đồng.

Anh Bùi Văn T được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.937.500 đồng theo biên lai thu số 0000303 ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Khoa-Huỳnh Ngọc Sơn

Nguyễn Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Mơ-Nguyễn Văn Chót

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Tơ

